

Bản án số: 252/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/02/2021

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Quách Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hàn Hòa Thuận

2. Ông Phạm Văn Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2021/TLST - HNGĐ ngày 06/01/2021 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 423/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/02/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Thu T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Thường trú: 06 tầng 20, tháp R1, cao ốc E, số 968 Đ, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 81/92 N, Phường 17, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Ông Nguyen H, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Quốc tịch: Hoa Kỳ.

Địa chỉ: 17234 G DR, H, TX 77084-0000, USA.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 28/12/2020 và bản tự khai nguyên đơn - bà Ngô Thị Thu T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyen H tự nguyện kết hôn vào năm 2019 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/01/2019. Sau khi kết hôn, hai người chung sống được hai tháng thì ông Nguyen H trở về Hoa Kỳ làm việc còn bà vẫn ở tại Việt Nam. Hai người vẫn liên lạc qua điện thoại với nhau trao đổi về cuộc sống, nhưng càng về sau càng ít sự chia sẻ vì cả hai nhận ra sự khác biệt quá lớn về quan điểm sống, ngoài ra do khoảng cách địa lý làm tình cảm vợ chồng ngày

càng trở nên phai nhạt. Ông bà không thể thống nhất cùng nhau về một nơi để sinh sống, mối quan hệ của ông bà ngày càng rơi vào bế tắc. Nay bà nhận thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyen H.

Về việc nuôi con: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Về nợ: Không có.

*Tại bản tự khai ngày 07/01/2021 được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Hiu-xton, Texas, Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 21/01/2021, bị đơn - ông Nguyen H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Ngô Thị Thu T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 31/01/2019. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống được một khoảng thời gian thì ông phải trở lại Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, còn bà T ở lại Việt Nam. Từ đó đến nay, hai bên chỉ có thể chia sẻ về cuộc sống và công việc với nhau qua điện thoại. Tuy nhiên, càng về sau thì càng ít chia sẻ vì khác biệt quan điểm sống. Hai bên đã cố gắng khắc phục nhưng do khác biệt tính cách và vì hoàn cảnh xa nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Ông nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa ông và bà T không hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về việc nuôi con: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Về nợ: Không có.

Tại phiên tòa.

Ông Nguyen H và bà Ngô Thị Thu T có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Ngày 28/12/2020, bà Ngô Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyen H. Ông Nguyen H hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Ngô Thị Thu T và ông Nguyen H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thu T và ông Nguyễn H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/01/2019, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T và ông Nguyễn H đều thừa nhận hai bên có khoảng thời gian chung sống ngắn, không thống nhất được với nhau về nơi chung sống dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm ngày càng xa cách, có sự khác biệt về quan điểm sống nên không thể hòa giải đoàn tụ. Do đó, có cơ sở xác định bà T và ông Nguyễn H đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Trang về việc xin ly hôn với ông Nguyễn H.

- Về việc nuôi con: Không có.
- Về chia tài sản: Không có.
- Về nợ: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thu T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn H.

- Về việc nuôi con: Không có.
- Về chia tài sản: Không có.
- Về nợ: Không có.

2. Bà Ngô Thị Thu T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm

ngàn) đồng tạm ứng án phí mà bà Ngô Thị Thu T đã nộp theo biên lai số AA/2019/0093453 ngày 31/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ngô Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

3. Bà Ngô Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày; ông Nguyễn H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hàn Hòa Thuận**

**Phạm Văn Hải**

**Quách Thanh Bình**



***Nơi nhận:***

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM ;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Quận 11, Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (15).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quách Thanh Bình**

